TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2019/HS-PT
Ngày: 21-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Đặng Văn Chum;
- *Các Thẩm phán*: Ông Bùi Ngọc Thạch;
Ông Lê Quân Vương.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 10 năm 2019 và 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Võ Mai X. Do có kháng cáo của bị cáo Võ Mai X và bị hại bà Nguyễn Hồng H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Võ Mai X, sinh năm 1958, tại Đ; nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Q, tỉnh N; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Mộc T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có chồng là Phan Quang T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 15-8-2017 đến ngày 10-01-2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bùi Gia N – Luật sư của Văn phòng Luật sư Bùi Gia N chi nhánh X, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh T; nơi sinh sống: Khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Bùi Văn T – Luật sư của Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phan Quang T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Q, tỉnh N; có mặt.

2. Ông Phan Trung P, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Q, tỉnh N; có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Hoàng Y, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Dương Thị Kim U, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 1, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Mai X và ông Phan Quang T là vợ chồng. Năm 2013, ông T làm bảo vệ cho Công ty Z thuộc ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ông T ở trọ tại phòng số 12, nhà trọ của bà Dương Thị Kim U tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian làm tại đây, ông T có quan hệ tình cảm với bà Nguyễn Hồng H (tên gọi khác: T, H, Nguyễn Ngọc D). Khi biết được ông T có quan hệ tình cảm với H, bị cáo nảy sinh ý định đánh ghen. Ngày 14/8/2013, bị cáo đón xe khách đến ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo dõi để bắt quả tang và đánh ghen. Ngày 17/8/2013, ông T nhờ bà H đến nấu ăn tại phòng trọ của ông T. Bị cáo biết được việc này nên chuẩn bị 01 chai nhựa chứa nước ớt để đánh ghen, sau đó gọi điện thoại cho con ruột là Phan Trung P đến với mục đích sau khi bị cáo đánh ghen thì P lấy xe của ông T chở bị cáo về.

Khoảng 19 giờ ngày 17/8/2013, bị cáo và ông P đến phòng trọ của ông T thì nhìn thấy ông T và bà H đang ôm nhau. Thấy vậy, bị cáo xông vào phòng trọ của ông T, ông T đứng dậy cản bị cáo lại, bà H đứng sau lưng ông T. Bị cáo lấy chai nhựa chứa nước ớt tạt vào mặt ông T, sau đó kêu ông P lôi ông T ra ngoài. Ông P sợ ông T đánh bị cáo nên vào phòng thấy 01 con dao thái lan ở nền nhà liền nhặt đi đến chỗ ở chĩa dao về phía ông T rồi ôm ông T kéo ra khỏi phòng. Lúc này, trong phòng chỉ còn bị cáo và bà H, bị cáo cài chốt cửa phòng lại, dùng chai nhựa chứa nước ớt tạt vào mặt của bà H, sau đó cả hai xông vào đánh nhau. Bị cáo lấy 01 cuộn băng keo màu vàng có ở trong phòng quấn quanh đầu, cổ bà H. Bà H lấy hai tay chèn vào cổ để không bị siết cổ. Bị cáo dùng vỏ chai bia bằng thủy tinh có ở trong phòng đánh vào đầu bà H làm cho vỏ chai bia bị bể, bị cáo tiếp tục dùng mảnh vỡ chai bia có cạnh sắc nhọn đâm nhiều lần vào vùng mặt trái của bà H, bà H dùng khủy tay trái để đỡ nên bị thương ở tay. Riêng ông T giằng co kêu cứu và đạp cửa phòng trọ làm cửa phòng trọ bị móp. Sau khi gây thương tích cho bà H xong, bị cáo mở cửa phòng gọi ông P lấy chìa khóa xe, bóp tiền của ông T đi về. Lúc này, ông P vẫn đang ôm ông T, nghe bị cáo gọi ông P buông ông T ra, vào phòng lấy chìa khóa xe và ví tiền của ông T, bị cáo lấy nhẫn cưới trên tay của ông T. Ông P điều khiển xe mô tô biển số 60L9 – 6286 chở bị cáo về. Ông T nhặt khúc cây đuổi theo hù dọa đánh ông P và bị cáo.

Bà H được ông Nguyễn Trọng I, Công an viên ấp B, xã L chở đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa thị xã B.

Theo Bản kết luận giám định pháp y số 325/2016/GĐPY ngày 20/9/2016 của trung tâm giám định y khoa pháp y tỉnh D kết luận bị hại Nguyễn Hồng H bị thương tích như sau:

- Vết thương dọc má trái 7 x 0,1cm, vết thương ngang má trái 5 x 0,1cm, vết thương môi trên trái – má trái – dưới hàm trái 10 x 0,1cm, vết thương gò má trái 2 x 0,1cm, sẹo lành, ảnh hưởng thẩm mỹ.

- Vết thương cánh tay trái 5,5 x 0,3cm, cẳng tay trái 9 x 0,2 cm sẹo lành tốt.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 12% tạm thời.

* Cơ chế hình thành vết thương:

Các vết thương vùng mặt hình dạng phức tạp, theo hình vòng cung, vật gây thương tích có thể là:

- Nếu vật tác động nhiều lần: Có thể là vật sắc nhọn, có thể có mũi nhọn.

- Nếu vật tác động một lần: Có thể là vật hình vòng cung phức tạp có nhiều mũi sắc nhọn. (ví dụ: võ chai bể...)

- Vết thương cánh tay trái, cẳng tay trái bờ sắc, có thể do vật sắc gây ra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 cuộn băng keo màu vàng đã sử dụng.

- 01 đoạn củi khô kích thước (1,25 x 0,05) m.

- 01 phần đầu cổ chai bia dài 13,5cm.

- Đối với 01 chai nhựa chứa nước ớt, 01 con dao thái lan (không rõ đặc điểm) ông P dùng uy hiếp ông T không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Hồng H yêu cầu bị cáo Võ Mai X bồi thường:

- Chi phí thuốc men điều trị 16.000.000 đồng;

- Chi phí thực tế bị mất 1.000.000 đồng x 90 ngày = 90.000.000 đồng;

- Tiền bù đắp tinh thần: 50 tháng lương tối thiểu x 1.300.000 đồng/tháng = 65.000.000 đồng;

- Chi phí phẫu thuật thẩm mỹ để xóa sẹo 100.000.000 đồng;

- 01 sợi dây chuyền 18K trọng lượng 07 chỉ trị giá 17.920.000 đồng, 01 sợi dây pha lê trị giá 22.000.000 đồng, 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 03 chỉ trị giá 7.680.000 đồng, 02 nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ trị giá 14.680.000 đồng, 1.000.000 đồng, 700 đô la Mỹ quy đổi tiền Việt Nam là 16.450.000 đồng.

Tổng chi phí bà H yêu cầu bị cáo bồi thường là 350.730.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Mai X phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Mai X 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/8/2017 đến ngày 01/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 590 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Võ Mai X có trách nhiệm bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại Nguyễn Hồng H là 14.868.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 30/5/2019, bị cáo Võ Mai X kháng toàn bộ bản án sơ thẩm bị cáo cho rằng bị cáo không có tội.

Ngày 13/6/2019 và ngày 14/6/2019, bị hại Nguyễn Hồng H có đơn kháng cáo đồng thời ngày 18/6/2019 bị hại có đơn kháng cáo bổ sung về việc bỏ lọt tội phạm và tội danh "Cướp tài sản"; yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Võ Mai X.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bị cáo và bị hại thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Mai X về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại về việc đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 10/2019/HSST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo và đồng phạm. Nhận thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hồ sơ vụ án đã được điều tra, truy tố, xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng. Do đó, kháng cáo của bị hại về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có căn cứ chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm tranh luận: Không đồng ý với bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương do chưa đủ chứng cứ chứng minh cho việc bị cáo phạm tội với các lý do sau:

- Lời khai của bị cáo là khách quan, là đúng sự thật được thể hiện trong quá trình giằng co bị hại H cầm chai bia đánh bị cáo thì giẫm phải nước tương ớt nên trượt chân té khiến chai bia bị bể và tự ngã úp mặt lên mảnh vỡ chai bia dẫn đến bị hại tự gây thương tích cho mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai tại (BL 125-141, 142-153, 299-302, 462-463); biên bản đối chất (BL 185-188); ý kiến, bản giải trình khi nhận Kết luận điều tra, Kết luận điều tra bổ sung

(BL206, BL284); phù hợp với Hồ sơ bệnh án ban đầu (BL 22-32, BL 59-85); Kết quả khám nghiệm hiện trường; Bản ảnh hiện trường (BL11-12), Biên bản thực nghiệm điều tra (BL450-451), Bản ảnh thực nghiệm.

- Lời khai của bị hại không phù hợp khách quan nên không thuộc quy định về chứng cứ tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng hình sự vì khi sự việc xảy ra trong phòng kín chỉ có bị cáo và bị hại, bên ngoài có ông T và ông P đang giằng co, chủ nhà trọ là bà U và ông I chỉ đến hiện trường khi bị hại đã có thương tích. Do đó, không có ai chứng kiến được sự việc. Căn cứ vào lời khai của bà U (BL250-251) và ông I (BL261a-261b, BL307-308) chứng tỏ không có việc bị cáo trói bị hại nên bị cáo không thể thoải mái dùng vỏ chai bia đâm bị hại đặc biệt càng không thể rạch mặt bị hại với thương tích như Kết luận giám định đã mô tả.

- Lời khai ban đầu của ông T là không khách quan, có sự thông đồng trước với bị hại nhằm tránh tai tiếng quan hệ bất chính và bị kết tội vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng với mong muốn đẩy bị cáo vào tù để ông T và bị hại có cơ hội đến với nhau, điều này được chứng minh qua đoạn ghi âm giữa ông T và bị hại (BL 263-272). Vì vậy, căn cứ lời trình bày của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là không đủ chứng cứ để xác định bị cáo gây thương tích cho bị hại.

- Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai thừa nhận tội của bị cáo tại (BL 127, BL 146-149) là trong khoảng thời gian bị cáo bị tạm giam là chứng cứ để buộc tội bị cáo là không thuyết phục. Tại lời khai này bị cáo thừa nhận "có dùng mảnh vỏ chai bị vỡ gây thương tích" nhưng cơ quan tố tụng không chứng minh, cũng không thu được mãnh vỡ đó có kích thước như thế nào. Nếu bị cáo có dùng mảnh chai bia để đâm, rạch mặt và tay bị hại trong tư thế vật nhau thì bị cáo phải bị thương tích ở tay vì tác động ngược lại của mảnh vỡ nhưng bị cáo lại không có thương tích gì trên cơ thể. Cần phải hiểu thống nhất thế nào là "mảnh chai vỡ" thế nào là "cổ vỏ chai vỡ". Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng "mảnh chai vỡ" cũng là "cổ vỏ chai vỡ" vì mảnh chai bia vỡ hay cổ chai bia vỡ đều là mảnh vỡ từ chai bia bị bể là chưa triệt để, chưa cụ thể hóa khi đánh giá cơ chế hình thành vết thương (BL562).

- Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo đã sử dụng phần đầu cổ chai bị vỡ bia đâm, rạch nhiều cái vào vùng mặt trái, tay trái của bị hại gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12% (tạm thời) là không phản ánh đúng sự thật khách quan vì cần phải hiểu thế nào là "rạch", "đâm" cho đúng vì "rạch" sẽ tạo vết cắt dài và độ nông đồng đều; còn "đâm" thì tạo vết thương sâu, dạng lỗ nhưng trong hồ sơ Bệnh án, Kết luận giám định thì khẳng định tác động rạch mới tạo ra thương tích. Ngoài ra, để rạch được những vết thương ngang, dọc vào cùng một bên má của bị hại; đâm vào lưng, chém vào tay như lời khai của bị hại thì phải được thực hiện trong một thời gian dài, bị hại đang trong tư thế bị khống chế, tê liệt, mất sức kháng cự hoàn toàn và hung khí gây thương tích phải là vật sắc nặng, to bản. Vụ việc này chỉ xảy ra chưa đầy 02 phút nhưng với 6 vết thương ở các vị trí khác nhau là điều không thể xảy ra. Trong vụ án này, vỏ chai bia bị bể chỉ với 2 nguyên nhân một là đập vào vùng xương xọ cứng nơi đầu bị hại, hai là va đập xuống nền hoặc tường phòng trọ hoặc vào bất kỳ vật cứng nào khác trong

phòng trọ. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án xác định bị cáo đập vỏ chai bia vào đầu bị hại dẫn đến vỏ chai bị vỡ nhưng lại không có thương tích trên đầu bị hại là không đủ cơ sở để buộc tội bị cáo.

- Vật chứng xem xét tại phiên tòa là phần đầu vỏ chai bia mà bị hại, cơ quan tiến hành tố tụng cho rằng bị cáo dùng để đâm, rạch vào mặt bị hại liên quan đến thương tích là không phù hợp. Tại hiện trường, Cơ quan Điều tra thu giữ có một phần đầu chai vỏ bia hiệu Sài gòn đỏ, bị bể, vỡ cạnh sắc nhọn, từ phần đầu đến phần thân bể vỡ là 13,5cm. Quá trình điều tra, bị cáo cho rằng bị hại cầm đánh bị cáo, bị hại cho rằng bị cáo cầm đánh bị hại và đâm bị hại nhưng Cơ quan Điều tra chỉ thu giữ phần đầu vỏ chai còn lại nhưng không tiến hành niêm phong, không xác định trên vỏ chai có dấu vân tay của ai và hiện tại không thể khắc phục nên không đủ chứng cứ xác định bị cáo là người cầm chai bia bể này đồng nghĩa với việc bị cáo không phải là người gây thương tích cho bị hại.

- Ngoài ra mối quan hệ bất chính giữa ông T và bị hại là nguyên nhân dẫn đến bị cáo bị kích động mạnh về tinh thần, bị hại đã nhiều lần điện thoại chửi và thách thức bị cáo. Đỉnh điểm khi bị cáo đến bắt quả tang thì thấy ông T và bị hại đang âu yếm nhau, bị hại còn thách thức bị cáo làm bị cáo mất kiểm soát về hành vi của mình, làm tinh thần bị cáo bị kích động mạnh nên mới gây ra sự việc gây thương tích cho bị hại. Theo quy định Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì tỷ lệ thương tật phải từ đủ 31% trở lên thì bị cáo mới phạm tội. Trong trường hợp này, thương tích bị hại chỉ có 12% thì hành vi của bị cáo cũng không phạm tội.

- Căn cứ hồ sơ bệnh án của Bệnh viện Đa khoa B, hồ sơ bệnh án của Bệnh viện Đa khoa tỉnh D và Kết luận giám định của trung tâm pháp y tỉnh D qua đối chiếu Chương 9 Bảng 1 kèm theo Thông tin số 20/2014/TT-BYT ngày 12/4/2014 của Bộ Y tế thì bị hại có 06 vết thương phần mềm, cộng lại tỷ lệ tối đa thương tật của bị hại cũng không quá 10%. Bị hại không đồng ý với Kết luận giám định tại Biên bản hỏi cung ngày 03/01/2018 (Bl150-153) nhưng không được Cơ quan điều tra giải thích quyền được yêu cầu giám định lại; quá trình điều tra không làm rõ đặc tính, đặc điểm vết thương phức tạp vùng mặt. Ngoài ra, Giấy chứng nhận thương tích của Bệnh viện đa khoa tỉnh D được cấp sau 02 năm kể từ khi xảy ra sự việc thì chắc chắn không phải do sự việc đánh nhau giữa bị cáo và bị hại vào ngày 17/8/2013 hay bị hại bị thương tích nào khác gây ra. Do đó, căn cứ vào Giấy chứng nhận thương tích của Bệnh viện Đa khoa tỉnh D để tiến hành giám định pháp y về thương tích là bất lợi cho bị cáo.

- Bản kết luận giám định pháp y kết luận cơ chế hình thành vết thương sử dụng từ "có thể" là đánh giá tùy nghi, không có kết luận dứt khoát để xác định đúng cơ chế hình thành vết thương nhưng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Bản kết luận giám định pháp y để buộc tội bị cáo không đủ căn cứ, không có cơ sở cho việc tuyên bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Giám định viên thừa nhận không có không có bản ảnh chụp vết thương khi giám định, cơ chế hình thành vết thương được nêu trong kết luận giám định là phỏng đoán, không dựa vào quy định pháp luật. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

bị cáo không phạm tội và không phải là người gây ra thương tích cho bị hại. Do không phạm tội nên bị cáo không có nghĩa vụ bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm tranh luận: Thương tích trong Kết luận giám định pháp y là chứng cứ nếu bị cáo không đồng ý thì yêu cầu cơ quan chuyên môn cao hơn giám định lại. Sự việc xảy ra, bị cáo đã liên hệ con của mình là ông Phan Trung P đến để giúp sức cho bị cáo, bị cáo đã chuẩn bị sẵn chai nước ớt, cuồn băng keo đã bị tháo ra sẵn chứng minh cho việc bị cáo có một thời gian dài chuẩn bị trước cho hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo là mâu thuẫn và hoàn toàn không phù hợp nhằm che dấu đi hành vi phạm tội của mình. Lời khai bị hại là phù hợp là bị mất tài sản sau khi sự việc xảy ra. Sau thời gian dài, ông Phan Quang T thay đổi lời khai nhằm che dấu sự thật để gây bất lợi cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương vì vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội danh "Cướp tài sản", bỏ lọt tội phạm trong việc đã cùng giúp sức, hỗ trợ bị cáo một cách rất tích cực nhằm chiếm đoạt số tài sản của bị hại đồng thời tăng mức hình phạt đối với bị cáo để răn đe, giáo dục. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường về vật chất, tinh thần theo yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Võ Mai X không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 17/8/2013, bị cáo Võ Mai X đến ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo dõi và đánh ghen. Trong lúc giằng co đánh nhau với bà Nguyễn Hồng H, bị cáo đã sử dụng phần đầu cổ chai bị vỡ đâm, rạch nhiều cái vào vùng mặt trái, tay trái của bà H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12% (tạm thời). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới để Tòa án phúc thẩm xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Mai X kháng toàn bộ bản án sơ thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo không có tội: Căn cứ vào bản tự khai ban đầu do bị cáo tự viết (BL127), biên bản lấy lời khai của bị cáo (BL146-149), lời khai bị hại; lời khai ban đầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Quang T (BL215-217), lời khai chủ nhà trọ bà Dương Thị Kim U (BL248); biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra và vật chứng thu giữ tại hiện trường đồng thời đối chiếu với Kết luận giám định pháp y số 325/2016/GĐPY ngày 20/9/2016 của trung tâm giám định y khoa pháp y tỉnh D xác định cơ chế hình thành vết thương của bị hại là phù hợp với vật chứng thu giữ tại hiện trường là phần cổ chai bia bị vỡ. Đủ cơ sở để xác định bị cáo dùng cổ chai bị vỡ gây thương tích cho bị hại. Bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo

không có tội là không có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Mai X 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho rằng: Hồ sơ vụ án xác định bị cáo đập vỏ chai bia vào đầu bị hại dẫn đến vỏ chai bị vỡ nhưng lại không có thương tích trên đầu bị hại là không đủ cơ sở để buộc tội bị cáo; bị hại cầm chai bia đánh bị cáo thì giẫm phải nước tương ớt nên trượt chân té khiến chai bia bị bể và tự ngã úp mặt lên mảnh vỡ chai bia dẫn đến bị hại tự gây thương tích cho mình; vật chứng là phần đầu vỏ chai bia mà bị hại, cơ quan tiến hành tố tụng cho rằng bị cáo dùng để đâm, rạch vào mặt bị hại là không phù hợp đồng thời cho rằng chỉ căn cứ lời trình bày của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là không đủ chứng cứ và cơ sở để buộc tội bị cáo và xác định bị cáo gây thương tích cho bị hại: Hội đồng xét xử xét thấy, qua đối chiếu biên bản xác minh ngày 17/8/2013 (BL20), bị hại nhập viện cấp cứu trong tình trạng bị chấn thương đầu, Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh nội trú của Bệnh viện Đa khoa tỉnh D ngày 11/10/2019 thể hiện bị hại xuất viện trong tình trạng tổn thương nông của da đầu, biên bản hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ tại hiện trường, Giấy chứng nhận thương tích đồng thời đối chiếu với Kết luận giám định pháp y số 325/2016/GĐPY ngày 20/9/2016 của trung tâm giám định y khoa pháp y tỉnh D xác định cơ chế hình thành vết thương của bị hại là phù hợp với vật chứng thu giữ tại hiện trường là phần cổ chai bia bị vỡ vì vậy ý kiến của người bào chữa là không có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa cho rằng tỷ lệ tối đa thương tật của bị hại được tính ra không quá 10%. Hội đồng xét xử xét thấy, đây thuộc lĩnh vực của cơ quan chuyên môn, tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã triệu tập Giám định viên và được nghe Giám định viên trình bày, giải thích rõ cơ chế hình thành vết thương được nêu trong Kết luận giám định pháp y số 325/2016/GĐPY ngày 20/9/2016 là hoàn toàn phù hợp. Vì vậy, ý kiến này của người bào chữa cũng không có cơ sở.

Đối với ý kiến nếu bị cáo là người gây ra thương tích cho bị hại thì thương tật chỉ có 12% thì hành vi của bị cáo cũng không phạm tội vì bị cáo "phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là "phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra" để đưa ra mức hình phạt là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, ý kiến này của người bào chữa không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra người bào chữa cho bị cáo không đồng ý với Bản kết luận giám định pháp y của trung tâm giám định y khoa pháp y tỉnh D cho rằng Kết luận giám định là phỏng đoán, không dựa vào quy định pháp luật đồng thời cho rằng quá trình điều tra bị cáo không được Cơ quan điều tra giải thích quyền được yêu cầu giám định lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa cấp sơ thẩm bị cáo và người bào chữa

cho bị cáo cũng không có yêu cầu giám định lại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Hồng H về việc:

- Hủy bản án sơ thẩm vì bỏ lọt tội danh "Cướp tài sản", bỏ lọt tội phạm là ông Phan Trung P và một người khác nữa đã có hành vi dung dao thái lan hỗ trợ bị cáo một cách rất tích cực nhằm chiếm đoạt số tài sản của bị hại là 01 sợi dây chuyền 18K trọng lượng 07 chỉ trị giá 17.920.000 đồng, 01 sợi dây pha lê trị giá 22.000.000 đồng, 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 03 chỉ trị giá 7.680.000 đồng, 02 nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ trị giá 14.680.000 đồng, 1.000.000 đồng, 700 đô la Mỹ quy đổi tiền Việt Nam là 16.450.000 đồng, đồng thời bà H yêu cầu bị cáo cùng với đồng bọn phải bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị mất. Ngày 15/10/2019, bị hại cung cấp cho Tòa án những hóa đơn mua vàng (03 bản chính và 1 bản phôtô) tại tiệm vàng Bảo P. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của người làm chứng bà Lê Thị Hoàng Y tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y khai không biết gì về số tài sản bị hại bị mất, chỉ nghe bị hại kể lại; lời khai của ông T tại phiên tòa phúc thẩm là trước khi xảy ra sự việc cũng không thấy bị hại đeo vàng. Lời khai của bị cáo là điện thoại cho ông P với mục đích là đến lấy xe máy chở bị cáo về, lời khai của ông P là ôm ông T ra ngoài vì sợ ông T đánh bị cáo và cũng không biết việc bị cáo đánh bị hại trong phòng. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định hành vi của ông P là giúp sức cho bị cáo trong việc gây thương tích cho bị hại cũng không có cơ sở xác định bị cáo cùng với ông P chiếm đoạt số tài sản nêu trên của bị hại nên yêu cầu kháng cáo của bị hại cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội danh "Cướp tài sản", bỏ lọt tội phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị mất là không có căn cứ.

- Đối với yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận chi phí thực tế bị mất; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần; chi phí phẫu thuật thẩm mỹ để xóa sẹo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại cũng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ để chứng minh cho việc điều trị và thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ, cũng không có giấy tờ chứng minh cho thu nhập hàng tháng trong việc kinh doanh nhà hàng. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại đối với các chi phí nêu trên. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết trong vụ án là do bị hại là người có lỗi trong sự việc xảy ra nên chấp nhận một phần tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho bị hại là 12 tháng lương tối thiểu là 14.868.000 đồng là phù hợp.

- Đối với chi phí điều trị thuốc men, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại cung cấp cho Hội đồng xét xử Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh nội trú của Bệnh viện Đa khoa tỉnh D ngày 11/10/2019 với tổng số tiền điều trị là 2.560.468 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy chi phí khám chữa bệnh này là có cơ sở chấp nhận nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm thanh toán cho bị hại số tiền 2.560.468 đồng.

- Đối với việc bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Võ Mai X: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ

Mai X về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với mức án là 02 (hai) năm tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở xem xét.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội danh "Cướp tài sản" và bỏ lọt tội phạm đồng thời tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Như đã phân tích đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Hồng H. Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Mai X là người cao tuổi được miễn nộp án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Mai X và bị hại Nguyễn Hồng H không phải nộp do bản án sơ thẩm bị sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Mai X.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Hồng H.

3. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương như sau:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Mai X 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/8/2017 đến ngày 01/10/2018.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Võ Mai X có trách nhiệm bồi thường tiền tổn thất tinh thần; chi phí khám, chữa bệnh cho bị hại Nguyễn Hồng H là 17.428.468 đồng (mười bảy triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bị cáo Võ Mai X.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Mai X và bị hại Nguyễn Hồng H không phải nộp.

7. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND huyện B; 2
- VKSND huyện B; 1
- Chi cục THADS huyện B; 1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh D; 1
- Công an huyện B; 1
- Sở Tư pháp tỉnh D; 1
- Bị cáo; 1
- Bị hại; 1
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; 2
- Người bảo chữa; 1
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; 1
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. 3

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Chum